



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-40
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-40

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 119/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2015, trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 13/UBCK-GP ngày 21/10/2003) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (Giấy phép thành lập và hoạt động số 75/UBCK-GP ngày 21/12/2007).

Trụ sở của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 11/03/2016
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11/03/2016
Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/03/2016
Ông Nguyễn Anh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/03/2016
Ông Phạm Công Ngữ	Giám đốc nhân sự	Bổ nhiệm ngày 16/03/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh	Giám đốc tư vấn đầu tư	
Ông Phạm Đức Phiên	Giám đốc Marketing	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Mai Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11/03/2016
Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang	Ủy viên	
Bà Đoàn Thị Thúy	Ủy viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, tình hình kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được lập ngày 16 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		267.931.168.440	264.042.065.743
110	I. Tài sản tài chính		251.962.943.904	258.860.939.557
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	61.170.885.450	79.215.346.304
111.1	1.1 Tiền		17.170.885.450	49.315.346.304
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		44.000.000.000	29.900.000.000
112	1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua	5	5.928.456.671	57.617.769.406
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	137.600.000.000	74.350.000.000
114	3. Các khoản cho vay	5	13.215.272.451	4.305.278.604
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	11.279.838.990	7.997.986.970
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài	5	(1.971.703.005)	(9.550.029.239)
117	6. Các khoản phải thu	6	4.917.956.614	2.541.898.128
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	303.641.600
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		4.917.956.614	2.238.256.528
117.3	6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		100.000.000	100.000.000
117.4	6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		4.817.956.614	2.138.256.528
118	7. Trả trước cho người bán	11	22.529.337.662	23.656.075.662
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán	6	71.335.741.765	94.775.718.028
122	9. Các khoản phải thu khác	6	2.704.430.118	2.704.920.418
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	(76.747.272.812)	(78.754.024.724)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		15.968.224.536	5.181.126.186
131	1. Tạm ứng	8	12.345.630.000	1.250.163.300
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	56.267.478	364.635.828
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	186.294.146	186.294.146
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.715.316.364	1.715.316.364
136	5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	36	1.664.716.548	1.664.716.548
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.837.727.401	50.158.096.179
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
212	1. Các khoản đầu tư	12	5.000.000.000	5.000.000.000
212.4	1.11 Đầu tư dài hạn khác		15.073.400.000	15.073.400.000
213	1.11 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		(10.073.400.000)	(10.073.400.000)
220	II. Tài sản cố định		9.258.873.247	6.128.082.814
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	5.102.461.503	2.561.289.738
222	- Nguyên giá		17.931.995.900	15.285.283.312
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.829.534.397)	(12.723.993.574)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	4.156.411.744	3.566.793.076
228	- Nguyên giá		17.160.053.480	14.543.353.480
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.003.641.736)	(10.976.560.404)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	24.284.683.636	24.284.683.636
250	V. Tài sản dài hạn khác		13.294.170.518	14.745.329.729
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	2.000.000	2.000.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	13.148.563.137	14.623.329.729
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	143.607.381	120.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		319.768.895.841	314.200.161.922

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.969.687.787	4.967.137.497
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		7.969.687.787	4.967.137.497
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	12.094.000	561.827.000
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	18	253.414.500	5.344.500
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		68.200.500	276.950.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	1.139.061.463	648.601.758
323	5. Phải trả người lao động		1.147.559.786	1.098.326.496
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		74.350.513	69.000.315
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	195.000.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	4.424.592.308	2.110.975.932
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		850.414.717	1.111.496
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		311.799.208.054	309.233.024.425
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	311.799.208.054	309.233.024.425
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		291.763.900.000	291.810.960.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		291.810.960.000	291.810.960.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		291.810.960.000	291.810.960.000
411.5	1.2 Cổ phiếu quỹ		(47.060.000)	-
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		871.103.221	-
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		871.103.221	-
417	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.293.101.612	17.422.064.425
417.1	4.1 Lợi nhuận đã thực hiện		18.293.101.612	17.422.064.425
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		319.768.895.841	314.200.161.922

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		29.176.390	29.181.096
007	2. Cổ phiếu quỹ		4.706	-
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	24	4.830.600.000	34.242.080.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	36.659.690.000	25.733.930.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	1.328.610.560.000	1.151.345.460.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.197.333.660.000	1.021.042.010.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		125.027.900.000	121.446.120.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		6.249.000.000	8.857.330.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	27	1.650.580.000	961.810.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.150.580.000	857.150.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		500.000.000	104.660.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
026	3. Tiền gửi của khách hàng	28	61.246.211.477	48.009.013.702
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		60.038.121.946	47.989.764.336
029	3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		130.042.833	19.249.366
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		121.565.422	10.720.673
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		8.477.411	8.528.693
030	3.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.078.046.698	-
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29	60.168.164.779	48.009.013.702
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		60.131.398.926	47.698.708.417
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		36.765.853	310.305.285
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30	1.078.046.698	-



Nguyễn Thu Hằng
Người lập



Vũ Thị Thu Huyền
Kế toán trưởng




Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	10.800.104.553	1.306.073.620	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	8.396.268.453	-
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	32.b)	2.403.836.100	1.306.073.620
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32.b)	8.666.013.196	3.483.039.305
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	32.b)	1.060.119.536	-
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		7.572.473.410	650.222.497
09	1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		588.413.836	54.905.664
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		873.563.634	95.378.068
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	32.c)	3.512.265.633	6.575.491.303
20		Cộng doanh thu hoạt động		33.072.953.798	12.165.110.457
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		747.044.188	9.697.278.400
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	747.044.188	9.697.278.400
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(9.585.078.146)	(17.542.100.300)
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh		1.408.750.048	-
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		11.131.243.775	1.114.839.164
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		658.241.060	8.219.904
31	2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		696.299.810	48.650.000
40		Cộng chi phí hoạt động		5.056.500.735	(6.673.112.832)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 23/11/2015
			VND	đến 31/12/2015 VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		2.630.267.529	-
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		2.630.267.529	-
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	4.2 Chi phí lãi vay		48.136.111	-
60	Cộng chi phí tài chính		48.136.111	-
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	33	12.479.170.607	1.416.158.864
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		18.119.413.874	17.422.064.425
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác	34	318.181.818	-
72	8.2 Chi phí khác	35	365.053.842	-
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(46.872.024)	-
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		18.072.541.850	17.422.064.425
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		18.072.541.850	17.422.064.425
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	36	-	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		<u>18.072.541.850</u>	<u>17.422.064.425</u>
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	37	619	597

Nguyễn Thu Hằng

Vũ Thị Thu Huyền



Vũ Dương Hiền

Nguyễn Thu Hằng
Người lập

Vũ Thị Thu Huyền
Kế toán trưởng

Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 23/11/2015
			VND	đến 31/12/2015 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		18.072.541.850	17.422.064.425
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		3.483.850.793	232.871.486
04	- Các khoản dự phòng		(9.585.078.146)	(17.924.902.926)
06	- Chi phí lãi vay		48.136.111	-
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.810.919.405)	-
08	- Dự thu tiền lãi		(3.089.500.000)	-
30	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(10.326.605.909)	29.925.608.192
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		51.689.312.735	(9.427.614.000)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(63.250.000.000)	-
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(8.909.993.847)	2.925.353.115
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(3.281.852.020)	16.850.920.000
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		303.641.600	(303.641.600)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		-	(1.862.112.084)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		23.231.226.763	19.023.018.974
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(23.117.081)	7.000.390.251
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(11.095.466.700)	(347.790.836)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(195.000.000)	-
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		1.783.134.942	-
44	- Lãi vay đã trả		(48.136.111)	-
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		1.374.808.000	(83.305.000)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		5.350.198	-
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		490.459.705	538.442.988
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		49.233.290	-
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(2.428.407.383)	(4.388.053.616)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.800.000)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.207.574.706)	29.655.641.177

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 23/11/2015
			VND	đến 31/12/2015 VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(6.792.640.000)	-
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		318.181.818	-
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12.080.536.275	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.606.078.093	-
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
72	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(248.716)	-
73	3. Tiền vay gốc		37.100.000.000	-
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(37.100.000.000)	-
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(37.100.000.000)	-
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.442.715.525)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.442.964.241)	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(18.044.460.854)	29.655.641.177
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		79.215.346.304	49.559.705.127
101.1	- Tiền		49.315.346.304	14.159.705.127
101.2	- Các khoản tương đương tiền		29.900.000.000	35.400.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		61.170.885.450	79.215.346.304
103.1	- Tiền		17.170.885.450	49.315.346.304
103.2	- Các khoản tương đương tiền		44.000.000.000	29.900.000.000

Nguyễn Thu Hằng

Vũ Thị Thu Huyền



Nguyễn Thu Hằng
Người lập

Vũ Thị Thu Huyền
Kế toán trưởng

Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 02 năm 2017

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 23/11/2015
			VND	đến 31/12/2015 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		1.614.669.630.250	108.390.450.500
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.673.159.394.150)	(136.260.977.200)
09	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		72.784.719.856	6.274.476.021
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(567.802.664)	-
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		229.639.722.426	47.767.895.905
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(230.129.677.943)	(47.515.146.505)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		13.237.197.775	(21.343.301.279)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		48.009.013.702	69.352.314.981
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		48.009.013.702	69.352.314.981
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		48.009.013.702	69.352.314.981
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		61.246.211.477	48.009.013.702
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		61.246.211.477	48.009.013.702
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		61.246.211.477	48.009.013.702

Nguyễn Thu Hằng
Người lập

Vũ Thị Thu Huyền
Kế toán trưởng

Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		23/11/2015	01/01/2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015		Năm 2016		31/12/2015	31/12/2016
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		291.810.960.000	291.810.960.000	-	-	-	-	291.810.960.000	291.810.960.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		291.810.960.000	291.810.960.000	-	-	-	-	291.810.960.000	291.810.960.000
2. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	(47.060.000)	-	-	(47.060.000)
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-	-	-	871.103.221	-	-	871.103.221
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	-	-	-	871.103.221	-	-	871.103.221
5. Lợi nhuận chưa phân phối		-	17.422.064.425	17.422.064.425	-	18.072.541.850	17.201.504.663	17.422.064.425	18.293.101.612
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		-	17.422.064.425	17.422.064.425	-	18.072.541.850	17.201.504.663	17.422.064.425	18.293.101.612
CỘNG		291.810.960.000	309.233.024.425	17.422.064.425	-	19.767.688.292	17.201.504.663	309.233.024.425	311.799.208.054

Nguyễn Thu Hằng
Người lập

Vũ Thị Thu Huyền
Kế toán trưởng



Vũ Dương Hiền
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 02 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 119/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2015, trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 13/UBCK-GP ngày 21/10/2003) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (Giấy phép thành lập và hoạt động số 75/UBCK-GP ngày 21/12/2007).

Trụ sở của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 291.810.960.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 291.810.960.000 đồng; tương đương 29.181.096 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 328, Võ Văn Kiệt, Lầu 4, Center Garden, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng - Chi nhánh Hà Nội	Số 4, Đường Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 23/11/2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 119/GP-UBCK và kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 23/11/2015 đến ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334 khi so sánh với số liệu năm nay.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Năm 2016 Luật Chứng khoán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính năm tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-------------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 02 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 04 - 06 năm |
| - Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế | 02 - 08 năm |

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: Phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: Phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.13 . Doanh thu, thu nhập*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.14 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.15 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	6.272.881	132.113.615.000
- Cổ phiếu	6.272.881	132.113.615.000
Của nhà đầu tư	284.201.939	3.287.829.024.400
- Cổ phiếu	284.201.939	3.287.829.024.400
	290.474.820	3.419.942.639.400

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	17.155.193.055	48.723.510.441
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	15.692.395	591.835.863
Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	29.900.000.000
	61.170.885.450	79.215.346.304

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4%/năm đến 5,0%/năm.

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	5.928.456.671	4.546.395.540	42.616.548.806	38.294.539.800
Cổ phiếu Upcom	-	-	15.001.220.600	14.737.081.200
	5.928.456.671	4.546.395.540	57.617.769.406	53.031.621.000

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ trên giá trị thị trường tại ngày 31/12/2016.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	11.279.838.990		7.997.986.970	
	11.279.838.990		7.997.986.970	

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Trái phiếu ⁽¹⁾	74.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên ⁽²⁾	63.600.000.000	74.350.000.000
	<u>137.600.000.000</u>	<u>74.350.000.000</u>

(1) Trong năm, Công ty thực hiện mua trái phiếu theo Nghị quyết số 113/216/NQ-CKHP ngày 24/06/2016 của Hội đồng quản trị với các thông tin chi tiết sau:

- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ nôi hơi Sài Gòn;
- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Kỹ nghệ nôi hơi Sài Gòn;
- Địa chỉ: Lô G-10 đường N3-D3, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, tổ chức phát hành có thể mua lại trước thời điểm đáo hạn;
- Kỳ hạn: 5 năm;
- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu;
- Ngày phát hành trái phiếu: 15/07/2016;
- Lãi suất trái phiếu: cố định 9%/năm;
- Kỳ trả lãi trái phiếu: 3 tháng/lần.

(2) Tại ngày 31/12/2016, số dư bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng đến 15 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%/năm đến 7,4%/năm.

d) Các khoản cho vay

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Hoạt động margin	11.089.278.921	-
Hoạt động ứng trước tiền bán	2.125.993.530	4.305.278.604
	<u>13.215.272.451</u>	<u>4.305.278.604</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay	
	Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC			Giá trị lập dự phòng năm nay
		VND	VND			VND
FVTPL		5.928.456.671	4.546.395.540	(1.971.703.005)	(4.590.114.624)	2.618.411.619
Cổ phiếu niêm yết		5.638.021.450	3.724.313.640	(1.971.113.605)	(4.325.975.224)	2.354.861.619
- CTT	345.000	4.048.500.000	2.553.000.000	(1.495.500.000)	(1.708.500.000)	213.000.000
- DP3	30.000	910.000.000	966.000.000	-	(401.200.000)	401.200.000
- HAP	62.176	657.966.081	192.745.600	(465.220.481)	(318.297.181)	(146.923.300)
- SSI	-	-	-	-	(738.000.000)	738.000.000
- SAM	-	-	-	-	(1.145.945.220)	1.145.945.220
- Cổ phiếu khác		21.555.369	12.568.040	(10.393.124)	(14.032.823)	3.639.699
Cổ phiếu Upcom		290.435.221	822.081.900	(589.400)	(264.139.400)	263.550.000
- HPP	43	1.741.921	1.978.000	-	(262.780.700)	262.780.700
- DCD	40.000	288.000.000	820.000.000	-	-	-
- Cổ phiếu lẻ khác		693.300	103.900	(589.400)	(1.358.700)	769.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay	
	Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC			Giá trị lập dự phòng năm nay
		VND	VND	VND	VND	
AFS		11.279.838.990	-	-	(4.959.914.615)	4.959.914.615
Cổ phiếu chưa niêm yết		11.279.838.990	-	-	(4.959.914.615)	4.959.914.615
- Công ty CP Bao bì Bia-Rượu-Nước Giải khát (*)	17.710	180.642.000	-	-	(56.672.000)	56.672.000
- Công ty CP Cơ khí Đóng tàu Thuyền sản Việt Nam (*)	104.641	643.956.600	-	-	(313.814.245)	313.814.245
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải (*)	132.709	1.881.600.000	-	-	(1.483.473.000)	1.483.473.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8 (*)	133.333	1.906.788.370	-	-	(1.773.455.370)	1.773.455.370
- Công ty CP Dệt may Đông Á (*)	20.000	360.000.000	-	-	(320.000.000)	320.000.000
- Công ty Cổ phần Đức Tân Long (*)	990.910	5.648.187.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bột mì Bình An (*)	266.666	658.665.020	-	-	-	-
- Công ty CP SIVICO	-	-	-	-	(304.500.000)	304.500.000
- Tổng Công ty đầu tư phát triển xây dựng (DIC Group)	-	-	-	-	(708.000.000)	708.000.000
		17.208.295.661	4.546.395.540	(1.971.703.005)	(9.550.029.239)	7.578.326.234

Ghi chú:

(*) Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết, do không xác định được giá thị trường của chứng khoán nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	303.641.600
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	4.917.956.614	2.238.256.528
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	71.335.741.765	94.775.718.028
- Phải thu Sở Giao dịch Chứng khoán	-	1.666.667
- Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	-	21.510.000.000
- Phải thu lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	-	655.813.784
- Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	19.179.500.000	19.179.500.000
- Phải thu lãi hợp đồng mua bán cổ phiếu kỳ hạn	2.995.764.220	2.995.764.220
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	48.419.621.445	50.426.373.357
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	721.656.100	6.600.000
- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	19.200.000	-
Phải thu khác	2.704.430.118	2.704.920.418
- Phải thu tiền mua cổ phần	2.500.000.000	2.500.000.000
- Phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu	188.050.000	-
- Phải thu khác	16.380.118	204.920.418
	<u><u>78.958.128.497</u></u>	<u><u>100.022.536.574</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay			Năm trước	
		Số đầu năm	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND		Số cuối năm VND
- Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	19.179.500.000	(19.179.500.000)	-	-	(19.179.500.000)	(19.179.500.000)
- Phải thu lãi hợp đồng mua bán cổ phiếu kỳ hạn	2.995.764.220	(2.995.764.220)	-	-	(2.995.764.220)	(2.995.764.220)
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	48.419.621.445	(50.426.373.357)	-	2.006.751.912	(48.419.621.445)	(50.426.373.357)
- Ứng trước tiền cho nhà cung cấp	3.637.928.500	(3.637.788.500)	-	-	(3.637.788.500)	(3.637.788.500)
- Phải thu khác	2.514.730.310	(2.514.598.647)	-	-	(2.514.598.647)	(2.514.598.647)
	76.747.544.475	(78.754.024.724)	-	2.006.751.912	(76.747.272.812)	(78.754.024.724)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . TẠM ỨNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phạm Trung Thành	9.500.000.000	-
Vũ Thị Ngọc Lan	1.995.500.000	528.322.500
Huỳnh Chí Tâm	124.000.000	-
Các đối tượng khác	726.130.000	721.840.800
	12.345.630.000	1.250.163.300

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	18.080.443	84.465.828
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	38.187.035	280.170.000
	56.267.478	364.635.828

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn phát sinh khi hợp nhất	13.139.396.757	14.599.329.729
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.166.380	24.000.000
	13.148.563.137	14.623.329.729

10 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**a) Ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	186.294.146	186.294.146
	186.294.146	186.294.146

b) Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cầm cố, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	2.000.000	2.000.000
	2.000.000	2.000.000

11 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần đầu tư Hafinco	18.140.807.362	19.440.807.362
- Nhà cung cấp khác	4.388.530.300	4.215.268.300
	22.529.337.662	23.656.075.662

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	2.095.274.540	12.448.078.940	14.543.353.480
Mua trong năm	-	2.616.700.000	2.616.700.000
Phân loại lại	133.490.000	(133.490.000)	-
Tại ngày 31/12/2016	2.228.764.540	14.931.288.940	17.160.053.480
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	1.613.955.368	9.362.605.036	10.976.560.404
Khấu hao trong năm	277.700.748	1.749.380.584	2.027.081.332
Phân loại lại	97.585.908	(97.585.908)	-
Tại ngày 31/12/2016	1.989.242.024	11.014.399.712	13.003.641.736
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	481.319.172	3.085.473.904	3.566.793.076
Tại ngày 31/12/2016	239.522.516	3.916.889.228	4.156.411.744

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

15 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	24.284.683.636	24.284.683.636
Lô đất số 9 Hoàng Diệu Thành phố Hải Phòng (*)	24.284.683.636	24.284.683.636
	24.284.683.636	24.284.683.636

(*) Số dư phản ánh các chi phí liên quan đến việc đầu tư xây dựng trụ sở phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty vẫn đang tiếp tục hoàn tất các thủ tục pháp lý cũng như huy động nguồn vốn để tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

16 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	23.023.057	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	584.324	-
Số dư cuối năm	143.607.381	120.000.000

17 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	919.000	652.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	11.175.000	561.175.000
	12.094.000	561.827.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Kỹ Thuật Sáng Tạo	234.570.000	-
Phải trả các đối tượng khác	18.844.500	5.344.500
	253.414.500	5.344.500

b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	253.414.500	5.344.500
	253.414.500	5.344.500

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	100.302.086	533.001.109
Thuế Thu nhập cá nhân	1.038.759.377	112.600.649
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000
	1.139.061.463	648.601.758

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.173.228.475	27.749.000
Phải trả tiền mua cổ phiếu quỹ theo phương án hợp nhất	46.811.284	-
Phải trả thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	-	336.772.642
Phải trả cổ tức cho nhà đầu tư khi chưa cắt tiền	-	1.568.002.215
Các khoản phải trả, phải nộp khác	204.552.549	178.452.075
	4.424.592.308	2.110.975.932

21 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Vũ Dương Hiền	12,30%	35.877.730.000	12,30%	35.877.730.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	6,64%	19.377.370.000	6,64%	19.377.370.000
Các cổ đông khác	81,04%	236.461.740.000	81,06%	236.555.860.000
Cổ phiếu quỹ	0,02%	47.060.000	0,00%	-
	100%	291.763.900.000	100%	291.810.960.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	18.293.101.612	17.422.064.425
	18.293.101.612	17.422.064.425

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	17.422.064.425	-
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	18.072.541.850	17.422.064.425
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 31/12	35.494.606.275	17.422.064.425
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(2.613.309.663)	-
- Quỹ dự trữ điều lệ	(871.103.221)	-
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(871.103.221)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(871.103.221)	-
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến 31/12/2016	32.881.296.612	17.422.064.425
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay tại 31/12/2016	14.588.195.000	-
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	14.588.195.000	-

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 46/2016/NQ-CKHP ngày 05 tháng 03 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	17.422.064.425
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	871.103.221
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	871.103.221
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	5,00%	871.103.221
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	83,73%	14.588.195.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,27%	220.559.762

22 . CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	4.830.600.000	34.242.080.000
	4.830.600.000	34.242.080.000

23 . CHỨNG KHOÁN CHƯA NIÊM YẾT CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	16.659.690.000	25.733.930.000
Loại lớn hơn 1 năm	20.000.000.000	-
	36.659.690.000	25.733.930.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	4.830.600.000	34.242.080.000
	4.830.600.000	34.242.080.000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	36.659.690.000	25.733.930.000
	36.659.690.000	25.733.930.000

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.197.333.660.000	1.021.042.010.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	125.027.900.000	121.446.120.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	6.249.000.000	8.857.330.000
	1.328.610.560.000	1.151.345.460.000

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.150.580.000	857.150.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	500.000.000	104.660.000
	1.650.580.000	961.810.000

28 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	60.038.121.946	47.989.764.336
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	60.038.121.946	47.989.764.336
1.1. Nhà đầu tư trong nước	60.009.833.504	47.687.987.744
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	28.288.442	301.776.592
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	130.042.833	19.249.366
1. Nhà đầu tư trong nước	121.565.422	10.720.673
2. Nhà đầu tư nước ngoài	8.477.411	8.528.693
Tiền gửi của tổ chức phát hành	1.078.046.698	-
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	1.078.046.698	-
	61.246.211.477	48.009.013.702

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

29 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	60.168.164.779	48.009.013.702
1.1. Nhà đầu tư trong nước	60.131.398.926	47.698.708.417
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	36.765.853	310.305.285
	60.168.164.779	48.009.013.702

30 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	1.078.046.698	-
	1.078.046.698	-

31 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	11.089.278.921	-
1.1 Phải trả gốc margin	11.089.278.921	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>11.089.278.921</i>	<i>-</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	2.125.993.530	4.305.278.604
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	2.125.993.530	4.305.278.604
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>2.125.993.530</i>	<i>4.305.278.604</i>
	13.215.272.451	4.305.278.604

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

32 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
				VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		100.250.095.000	92.237.862.735	8.098.268.453	86.036.188	-	-
- Sàn Hà Nội	945.247	16.543.109.900	14.905.870.988	1.640.858.800	3.619.888	-	-
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	3.831.557	65.565.969.900	62.333.152.168	3.314.319.832	81.502.100	-	-
- Sàn Upcom	370.377	18.141.015.200	14.998.839.579	3.143.089.821	914.200	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết		2.661.992.000	3.025.000.000	298.000.000	661.008.000	-	9.697.278.400
- Công ty CP SIVICO	125.000	2.375.000.000	2.077.000.000	298.000.000	-	-	-
- Tổng Công ty đầu tư phát triển xây dựng (DIC Group)	40.000	286.992.000	948.000.000	-	661.008.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đúc Tân Long	990.910	-	-	-	-	-	5.747.278.000
- Công ty Cổ phần Bột mỳ Bình An	266.666	-	-	-	-	-	3.950.000.400
		102.912.087.000	95.262.862.735	8.396.268.453	747.044.188	-	9.697.278.400

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	2.403.836.100	1.306.073.620
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	8.666.013.196	3.483.039.305
Từ các khoản cho vay	1.060.119.536	-
	12.129.968.832	4.789.112.925

c) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	3.512.265.633	6.575.491.303
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	3.512.265.633	6.575.491.303
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	3.512.265.633	6.575.491.303

33 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	6.355.265.467	1.036.666.927
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	413.670.165	-
Chi phí vật tư văn phòng	57.819.709	11.163.108
Chi phí công cụ, dụng cụ	98.660.631	-
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	515.388.957	87.892.710
Chi phí thuế, phí và lệ phí	101.299.000	10.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	(102.132.758)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.231.039.023	97.058.625
Chi phí khác	3.706.027.655	275.510.252
	12.479.170.607	1.416.158.864

34 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	318.181.818	-
	318.181.818	-

35 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	177.998.774	-
Tiền thuế bị truy thu sau quyết toán thuế	187.055.068	-
	365.053.842	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

36 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.072.541.850	17.422.064.425
Các khoản điều chỉnh tăng	337.055.068	-
- Chi phí không hợp lệ	337.055.068	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(53.784.947.559)	(124.437.662.704)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.403.836.100)	(1.306.073.620)
- Chuyển lỗ các năm trước (*)	(51.381.111.459)	(123.131.589.084)
Tổng thu nhập tính thuế	(35.375.350.641)	(107.015.598.279)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	-	-

(*) Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (trước hợp nhất) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu có phát sinh khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2011. Theo quy định hiện hành, Công ty được phép chuyển lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Khoản lỗ mang sang này được Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau hợp nhất) kế thừa. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đã hoàn thành công tác quyết toán thuế cho mục đích hợp nhất, theo đó số chuyển lỗ từ năm 2011 đến năm 2015 bị điều chỉnh giảm căn cứ quyết định số 2993/QĐ-CT ngày 06/07/2016 của Cục trưởng cục thuế thành phố Hải Phòng.

37 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	18.072.541.850	17.422.064.425
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.072.541.850	17.422.064.425
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	29.177.615	29.181.096
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	619	597

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG

Số 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	8.160.887.246	10.800.104.553	14.111.961.999	33.072.953.798
Chi phí hoạt động	11.789.484.835	(5.422.531.998)	(1.310.452.102)	5.056.500.735
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	2.630.267.529
Chi phí không phân bổ	-	-	-	12.527.306.718
Kết quả hoạt động	(3.628.597.589)	16.222.636.551	15.422.414.101	18.119.413.874
Tài sản bộ phận trực tiếp	143.607.381	20.336.592.656	152.736.296.665	173.216.496.702
Tài sản không phân bổ	-	-	-	146.552.399.139
Tổng tài sản	143.607.381	20.336.592.656	152.736.296.665	319.768.895.841
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	12.094.000	-	-	12.094.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	7.957.593.787
Tổng nợ phải trả	12.094.000	-	-	7.969.687.787

Theo khu vực địa lý

	Hội sở	Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	27.805.039.421	2.430.746.612	2.837.167.765	33.072.953.798	-	33.072.953.798
Tài sản bộ phận	411.764.860.005	22.708.182.205	92.072.107.865	526.545.150.075	(206.776.254.234)	319.768.895.841
Nợ phải trả bộ phận	99.965.651.951	201.877.929	309.477.672	100.477.007.552	(92.507.319.765)	7.969.687.787

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNGSố 24, Đường Cù Chính Lan,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015 VND
Vay vốn			
Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	21.100.000.000	-
Trả tiền vay vốn			
Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	21.100.000.000	-

Ngoài thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở các Thuyết minh trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2016 VND	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.506.765.782	422.128.804


41 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 23/11/2015 đến ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014-TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC. Do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo Tình hình tài chính (tên cũ là Bảng cân đối kế toán), Báo cáo kết quả hoạt động (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính.

Kỳ kế toán từ ngày 23/11/2015 đến ngày 31/12/2015 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi hợp nhất giữa 2 Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng và Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu, do đó số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là không thể so sánh được với số liệu năm nay.


 Nguyễn Thu Hằng
 Người lập


 Vũ Thị Thu Huyền
 Kế toán trưởng


 Vũ Dương Hiền
 Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 02 năm 2017

